HIỆP ĐỊNH QUÁ CẢNH HÀNG HÓA
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ HOÀNG GIA CAMPUCHIA

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia (dưới đây gọi tắt là hai Bên ký kết);

Với lòng mong muốn củng cố và mở rộng hơn nữa mối quan hệ hợp tác về kinh tế – thương mại, nhằm góp phần phát triển kinh tế của mỗi nước, trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi;

Đã cùng nhau thỏa thuận như sau:

Điều 1

1. Hai Bên ký kết cho phép hàng hóa xuất khẩu đi nước thứ ba, hoặc nhập khẩu từ nước thứ ba về, hoặc hàng hóa vận chuyển từ một địa phương này sang một địa phương khác của một Bên ký kết, được quá cảnh qua lãnh thổ Bên ký kết kia dưới sự giám sát của hải quan và các cơ quan có thẩm quyền khác của Bên ký kết kia.

2. Hai Bên ký kết tạo điều kiện thuận lợi cho việc quá cảnh hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy, đường sắt giữa hai nước, không gây trở ngại về mặt thời gian, không ban hành những quy định gây cản trở không cần thiết trong quá trình quá cảnh hoặc thu các khoản phí không cần thiết.

Điều 2

Một số thuật ngữ trong Hiệp định được hiểu như sau:

1. **Quá cảnh hàng hóa** là việc vận chuyển hàng hóa thuộc sở hữu của pháp nhân, thể nhân của nước xin quá cảnh qua lãnh thổ của nước cho quá cảnh, kể cả việc trung chuyển, chuyển tải, lưu kho, chia tách lô hàng, thay đổi phương thức vận tải hoặc các công việc khác được thực hiện trong thời gian quá cảnh dưới sự giám sát của hải quan và các cơ quan có thẩm quyền khác.

2. **Nước xin quá cảnh** là nước có pháp nhân, thể nhân sở hữu hàng hóa quá cảnh.

3. **Nước cho quá cảnh** là nước cho thực hiện quá cảnh hàng hóa qua lãnh thổ nước đó.

4. **Chủ hàng** là pháp nhân, thể nhân sở hữu hàng hóa quá cảnh.

5. **Người chuyên chở** là pháp nhân được chủ hàng ủy quyền hợp pháp vận chuyển hàng hóa quá cảnh.

Điều 3

Việc quá cảnh hàng hoá phải tuân thủ các quy định sau:

1. Việc vận chuyển hàng hóa quá cảnh trong quá trình quá cảnh phải tuân thủ những quy định của hải quan và các quy định pháp luật khác có liên quan của nước cho quá cảnh và các điều ước quốc tế mà hai Bên ký kết tham gia hoặc là thành viên.

2. Số lượng, chủng loại hàng hoá vận tải qua cửa khẩu cuối cùng của nước cho quá cảnh phải đúng như số lượng, chủng loại hàng hoá qua cửa khẩu đầu tiên của nước cho quá cảnh, và hàng hoá phải còn nguyên đai, nguyên kiện và nguyên niêm phong hải quan. Trong quá trình vận chuyển, lưu kho trên lãnh thổ của nước cho quá cảnh, nếu hàng hóa quá cảnh bị hư hỏng, tổn thất thì chủ hàng hoặc người chuyên chở phải kịp thời thông báo cho hải quan nơi xảy ra sự cố và/hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác phù hợp với quy định pháp luật của nước cho quá cảnh để lập biên bản xác nhận tình trạng hàng hóa. Những nơi chưa có trụ sở hải quan thì chủ hàng hoặc người chuyên chở phải thông báo cho chính quyền địa phương nơi gần nhất để lập biên bản xác nhận tình trạng hàng hóa.

3. Hàng hoá quá cảnh được miễn kiểm tra hải quan tại cửa khẩu, miễn áp tải trên lãnh thổ của nước cho quá cảnh theo quy định của hải quan nước cho quá cảnh. Việc kiểm tra hàng hóa quá cảnh chỉ áp dụng trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

4. Nếu hàng hoá quá cảnh cần lưu kho, lưu bãi tại nước cho quá cảnh thì phải được cơ quan có thẩm quyền của nước cho quá cảnh cho phép về thời gian và địa điểm, và phải chịu sự giám sát của hải quan nước cho quá cảnh.

Điều 4

Việc quá cảnh hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh, cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu của mỗi Bên ký kết được quy định như sau:

1. Không được phép quá cảnh hàng hóa bị cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, cấm vận chuyển theo các điều ước quốc tế mà hai Bên ký kết tham gia hoặc là thành viên hoặc hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh, cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu của cả hai Bên ký kết, trừ khi được qui định khác trong Hiệp định này.

2. Quá cảnh vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ và trang thiết bị quân sự phục vụ mục đích an ninh quốc phòng phải được Thủ tướng Chính phủ nước cho quá cảnh cho phép tuân theo pháp luật có liên quan của nước cho quá cảnh.

3. Quá cảnh hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm kinh doanh, cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu của nước cho quá cảnh nhưng không thuộc Danh mục đã nêu của nước xin quá cảnh phải được Bộ trưởng Bộ Công Thương/Bộ trưởng Bộ Thương mại nước cho quá cảnh cho phép sau khi có văn bản đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại/Bộ trưởng Bộ Công Thương của nước xin quá cảnh.

4. Hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh, cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu khi được phép quá cảnh phải được vận chuyển theo đúng các quy định trong giấy phép quá cảnh, bao gồm đúng tuyến đường bộ, đường thủy, đường sắt, đúng cặp cửa khẩu, đúng loại phương tiện vận chuyển, đúng trọng tải của từng phương tiện vận chuyển và đúng thời hạn và phải chịu sự giám sát của hải quan và các cơ quan có thẩm quyền khác của nước cho quá cảnh.

5. Danh mục hàng hóa cấm kinh doanh, cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu của mỗi Bên ký kết được quy định theo pháp luật của mỗi Bên ký kết. Những danh mục đó, gồm Danh mục của phía Việt Nam và Danh mục của phía Campuchia, phải được Bộ Công Thương nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam/Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia thông báo cho Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia/Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng văn bản tiếng Anh trong vòng 60 ngày kể từ ngày ký Hiệp định. Các danh mục này có thể thay đổi, khi có sự thay đổi danh mục Bộ Công Thương/Bộ Thương mại phải kịp thời thông báo cho Bộ Thương mại/Bộ Công Thương và danh mục mới sẽ tự động thay thế cho danh mục trước.

Điều 5

Việc quá cảnh gỗ và các sản phẩm gỗ qua lãnh thổ của mỗi Bên ký kết sẽ được thực hiện như sau:

1. Không được phép quá cảnh gỗ tròn (gỗ cây đã hoặc chưa bóc vỏ, bỏ dác hoặc gỗ cây dạng vuông thô) qua lãnh thổ của bất kỳ Bên ký kết nào.

2. Việc quá cảnh gỗ xẻ phải được Bộ trưởng Bộ Công Thương/ Bộ trưởng Bộ Thương mại nước cho quá cảnh cho phép sau khi có văn bản đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại/Bộ trưởng Bộ Công Thương nước xin quá cảnh. Văn bản đề nghị đó phải dựa trên các văn bản căn cứ nếu được yêu cầu theo qui định pháp luật của nước xin quá cảnh.

3. Đối với các sản phẩm gỗ khác không được nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, khi quá cảnh bằng đường bộ, đường thuỷ hoặc đường sắt qua các cặp cửa khẩu được nêu tại Điều 7, chủ hàng hoặc người chuyên chở chỉ cần làm thủ tục cho hàng hoá quá cảnh tại các cặp cửa khẩu, không phải xin giấy phép quá cảnh tại Bộ Công Thương/Bộ Thương mại nước cho quá cảnh.

4. Nước xin quá cảnh phải áp dụng bất cứ biện pháp cần thiết nào để đảm bảo rằng hàng hóa được nêu tại khoản 3 Điều này là những hàng hóa được phép quá cảnh hợp pháp.

Điều 6

Đối với các loại hàng hoá không thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 4 và Điều 5, khi quá cảnh bằng đường bộ, đường thuỷ hoặc đường sắt qua các cặp cửa khẩu được nêu tại Điều 7, chủ hàng hoặc người chuyên chở chỉ cần làm thủ tục hải quan cho hàng hoá quá cảnh tại các cặp cửa khẩu, không phải xin giấy phép quá cảnh tại Bộ Công Thương/Bộ Thương mại nước cho quá cảnh.

Điều 7

Hàng hóa quá cảnh được phép qua các cặp cửa khẩu quốc tế và các tuyến đường nối sau:

STT	Cửa khẩu của Việt Nam	Tuyến đường nối của Việt Nam	Cửa khẩu của Campuchia	Tuyến đường nối của Campuchia
1.	Vĩnh Xương – Thường Phước (tỉnh An Giang - tỉnh Đồng Tháp)	*Sông Tiền - Cửu Long*	Ca om Samno – Cốc Rô Ca (tỉnh Kan Dan - tỉnh Prêy Veng)	*Sông Mêkông*
2.	Mộc Bài (tỉnh Tây Ninh)	*Quốc lộ 22 A*	Ba Vét (tỉnh Svay Riêng)	*Quốc lộ 1*

STT	Cửa khẩu của Việt Nam	Tuyến đường nối của Việt Nam	Cửa khẩu của Campuchia	Tuyến đường nối của Campuchia
3.	Xa Mát (tỉnh Tây Ninh)	*Quốc lộ 22 B*	Torapeng Phơ-long (tỉnh Kong Pong Chàm)	*Quốc lộ 72*
4.	Dinh Bà (tỉnh Đồng Tháp)	*Quốc lộ 30*	Bontia Chăk Crây (tỉnh Prêy Veng)	*Tỉnh lộ 30*
5.	Lệ Thanh (tỉnh Gia Lai)	*Quốc lộ 19*	O Da Đao (tỉnh Ratanakiri)	*Quốc lộ 78*
6.	Hoa Lư (tỉnh Bình Phước)	*Quốc lộ 13*	Torapeng Sre (tỉnh Kara Chê)	*Quốc lộ 74*
7.	Tịnh Biên (tỉnh An Giang)	*Quốc lộ 91*	Phơ-nông Đơn (tỉnh Takeo)	*Quốc lộ 2*
8.	Hà Tiên (tỉnh Kiên Giang)	*Quốc lộ 90 và 63*	Prek Chak (Lork - tỉnh Kam Pốt)	*Quốc lộ 33A*

Nếu các Bên ký kết có nhu cầu và sau khi trao đổi thống nhất, sẽ mở tiếp một số cặp cửa khẩu khác để tạo điều kiện thuận lợi cho hàng hóa quá cảnh.

Điều 8

1. Cấm tiêu thụ hàng hóa quá cảnh thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh, cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu trên lãnh thổ nước cho quá cảnh.

2. Đối với các loại hàng hóa quá cảnh không thuộc các danh mục nêu tại khoản 1 Điều này, việc tiêu thụ trên lãnh thổ nước cho quá cảnh chỉ được tiến hành trong trường hợp bất khả kháng, phải được cơ quan có thẩm quyền của nước cho quá cảnh cho phép và phải chịu thuế và các lệ phí khác theo quy định pháp luật của nước cho quá cảnh.

Điều 9

Các khoản phí và lệ phí phát sinh từ các hoạt động liên quan đến hàng hóa quá cảnh theo Hiệp định này được thanh toán bằng đồng tiền nội tệ của nước cho quá

cảnh hoặc đồng tiền chuyển đổi tự do phù hợp với quy định về quản lý ngoại hối của mỗi nước.

Điều 10

1. Trong trường hợp hàng hoá quá cảnh được vận chuyển bằng đường bộ, thì chủ hàng hoặc người chuyên chở có thể sử dụng phương tiện vận tải của nước mình, hoặc thuê phương tiện vận tải của nước cho quá cảnh.

2. Trong trường hợp hàng hoá quá cảnh được vận chuyển bằng đường thuỷ, thì chủ hàng hoặc người chuyên chở có thể sử dụng phương tiện vận tải thuỷ của nước mình, hoặc thuê phương tiện vận tải thuỷ của nước cho quá cảnh, hoặc thuê của nước thứ ba.

3. Việc quá cảnh phương tiện vận chuyển và người áp tải cũng như việc sang mạn, chuyển phương tiện phải tuân thủ các điều ước quốc tế mà hai Bên ký kết tham gia hoặc là thành viên. Trong trường hợp các điều ước quốc tế mà hai Bên ký kết tham gia hoặc là thành viên chưa quy định thì thực hiện tuân theo các quy định pháp luật của nước cho quá cảnh.

Điều 11

Hai Bên ký kết thỏa thuận sẽ ủy quyền cho Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia căn cứ vào tình hình thực tế từng thời kỳ, ký các thoả thuận quy định các mẫu chứng từ cụ thể, trong đó có bộ chứng từ vận tải quá cảnh, để thực hiện Hiệp định này.

Điều 12

Bất kỳ hành vi nào của chủ hàng hoặc người chuyên chở vi phạm pháp luật của nước cho quá cảnh trong quá trình quá cảnh sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật cơ liên quan của nước cho quá cảnh.

Điều 13

Các tranh chấp phát sinh trong việc giải thích hoặc thực hiện Hiệp định này sẽ do các đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký kết thương lượng giải quyết thông qua đường ngoại giao.

Điều 14

Trong thời hạn hiệu lực của Hiệp định, nếu một trong hai Bên ký kết muốn bổ sung thêm hoặc sửa đổi các điều khoản đã ký kết thì phải đề nghị bằng văn bản. Trong vòng ba tháng kể từ khi nhận được đề nghị, Bên ký kết kia phải trả lời chính thức bằng văn bản. Các điều khoản được sửa đổi hoặc bổ sung đã được hai

Bên ký kết đồng ý được coi là một bộ phận cấu thành không thể tách rời của Hiệp định này và có cùng hiệu lực như bản Hiệp định này.

Điều 15

Hiệp định này bắt đầu có hiệu lực sau 60 ngày kể từ ngày ký và có hiệu lực trong vòng hai (2) năm. Nếu trong vòng 60 ngày trước khi Hiệp định hết hiệu lực, không Bên ký kết nào đề nghị bằng văn bản qua đường ngoại giao về việc chấm dứt hiệu lực của Hiệp định, Hiệp định sẽ được mặc nhiên gia hạn thêm một (1) năm. Thể thức gia hạn này sẽ được tiếp tục áp dụng tương tự cho các năm tiếp theo.

Trong trường hợp một Bên ký kết đề nghị bằng văn bản qua đường ngoại giao về việc chấm dứt hiệu lực của Hiệp định, Hiệp định sẽ hết hiệu lực sau 60 ngày kể từ ngày Bên ký kết kia nhận được một đề nghị như vậy.

Trong trường hợp chấm dứt Hiệp định thì các điều khoản của Hiệp định này vẫn được áp dụng cho các thỏa thuận có liên quan đã được ký kết trước khi Hiệp định chấm dứt cho đến khi thực hiện xong.

Hiệp định này thay thế cho Hiệp định quá cảnh hàng hoá được ký giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia ngày 7 tháng 9 năm 2000.

Làm tại Hà Nội, ngày 4 tháng 11 năm 2008 thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Khơ-me và tiếng Anh, các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự hiểu khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở giải thích.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**THAY MẶT CHÍNH PHỦ HOÀNG GIA CAMPUCHIA**
Ngài PHẠM GIA KHIÊM	**Ngài HOR NAMHONG**

AGREEMENT
ON THE TRANSIT OF GOODS
BETWEEN
THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
AND
THE ROYAL GOVERNMENT OF CAMBODIA

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM and THE ROYAL GOVERNMENT OF CAMBODIA, hereinafter referred to as the "Contracting Parties";

BEING desirous of further strengthening and expanding economic and trade cooperation between the two countries, in order to develop the economy of each country, on the principles of equality and mutual benefit.

HAVE AGREED AS FOLLOWS:

ARTICLE 1

1. The Contracting Parties shall permit goods of either Contracting Party exported to a third country or imported from a third country, or transported from one locality to another locality of one Contracting Party, to be transited through the territory of the respective Contracting Parties under the supervision of customs and other competent authorities of the respective Contracting Parties.

2. The Contracting Parties shall facilitate the transit of goods by road or waterway or railway between the two countries, without causing any time delay to the course of transit, without issuing any regulations that appears to be unnecessary barriers to the course of transit, and without collecting any unnecessary fee for the transit process.

ARTICLE 2

In this Agreement, terms are defined as follows:

1. **Transit of goods** means the transportation of goods owned by any natural or legal person of the country applying for transit through the territory of the transit country, including transshipment, portage or warehousing, shipment separation or alteration of modes of transportation or other jobs performed during the course of transit under customs and other competent authorities' supervision.

2. **The country applying for transit** is the country where the natural or legal person owning the goods in transit is located.

3. **The transit country** is the country through the territory of which the goods in transit are allowed to pass.

4. **The owner** is the natural or legal person who owns the goods in transit.

5. **The carrier** is the legal person who is legally authorized by the owner to deliver the goods in transit.

ARTICLE 3

The transit of goods shall be done in compliance with the following regulations:

1. The transport of goods in transit during the course of transit shall be compliant with the customs and other relevant laws and regulations of the transit country and international treaties to which the Contracting Parties are signatories.

2. The quantity and specification of the goods delivered through the last exit border gate of the transit country shall be exactly the same as that delivered through the first entry border gate of the transit country, and the goods shall be in its original conditions of packaging and customs sealing. If the goods are lost, damaged or broken during the course of transit, the owner or the carrier shall report to local customs and/or other competent authorities in accordance with the laws and regulations of the transit country to make a written certification of the conditions of the goods. In case there is no local customs, the owner or the carrier shall report the situation to the nearest local authorities to make such a certification.

3. The goods in transit shall not be under routine customs physical inspection at the border, customs escorts in the territory of the transit country in accordance with the customs laws and regulations of the transit country. Physical inspection of the goods in transit shall be conducted only in cases where signs of violation are detected.

4. If the goods in transit are to be kept in warehouse and depot in a transit country, a permit from the competent authorities of the transit country on time and places shall be required and the goods shall be under the supervision of the customs authority of the transit country.

ARTICLE 4

For the goods under the lists of goods banned from business, goods banned from export, goods temporarily ceased from export, goods banned from import or goods temporarily ceased from import of the Contracting Parties, their transit shall be done in compliance with the following regulations:

1. Those goods which are banned from export, import or transportation by international treaties that the Contracting Parties are signatories or under the lists of goods banned from business, goods banned from export, goods temporarily ceased from export, goods banned from import or goods temporarily ceased from import of

both Contracting Parties shall not be transited, unless otherwise provided in this Agreement.

2. The transit of weapons, ammunitions, explosives, or military technical equipment for national defense and national security shall have a permit from the Prime Minister of the transit country, in compliance with the relevant laws and regulations of the transit country.

3. The transit of goods under the lists of goods banned form business, goods banned from export, goods temporarily ceased from export, goods banned from import, goods temporarily ceased from import of the transit country but not under such a lists of the country applying for transit shall have a permit from the Minister of Industry and Trade/Minister of Commerce of the transit country following a written request by the Minister of Commerce/Minister of Industry and Trade.

4. Goods under the lists of goods banned from business, goods banned from export, goods temporarily ceased from export, goods banned from import, goods temporarily ceased from import, once permitted to transit, shall be transported on the prescribed roads, waterway, and railway, through the prescribed border gates, on the right means of transport and capacity, and in timing as provided in the transit license, and shall be supervised by the customs and other competent authorities of the transit country.

5. The lists of goods banned from business, goods banned from export, goods temporarily ceased from export, goods banned from import, goods temporarily ceased from import of each Contracting Party are provided in accordance with the laws and regulations of the respective Contracting Party. Such lists as list by Viet Nam and list by Cambodia shall be informed within 60 days from the date of signing this Agreement by the Ministry of Industry and Trade of the Socialist Republic of Viet Nam/Ministry of Commerce of the Kingdom of Cambodia to the Ministry of Commerce of the Kingdom of Cambodia/Ministry of Industry and Trade of the Socialist Republic of Viet Nam in writing in English. Those lists may be revised; in such a case the Ministry of Industry and Trade/Ministry of Commerce shall inform the revised lists to the Ministry of Commerce/Ministry of Industry and Trade, and the revised lists shall automatically replace the previous lists.

ARTICLE 5

The transit of timber and timber products through the territory of either Contracting Party shall be implemented as follows:

1- Round logs (i.e. wood in the rough, whether or not stripped of bark or sapwood, or roughly squared) shall not be permitted to transit through the territory of any Contracting Party.

2- The transit of sawn wood shall have a permit from the Minister of Industry and Trade/Minister of Commerce of the transit country following a written request by the Minister of Commerce/Minister of Industry and Trade of the country applying for

transit. Such a written request shall be based on supporting documents if required in accordance with the laws and regulations of the country applying for transit.

3- For the other wooden products not referred to in paragraph 1 and paragraph 2 of this Article, when transited by roads or waterway or railway through the pairs of border gates as prescribed under Article 7, the owner or the carrier shall apply and make customs clearance only at those pairs of border gates. No permission from the Minister of Industry and Trade/Minister of Commerce is required.

4- The country applying for transit shall impose any necessary measure to ensure that the goods referred in paragraph 3 of this Article are legally-allowed-for-transit goods.

ARTICLE 6

For those goods which are not under the scope of Article 4 and 5, when transited by roads or waterway or railway through the pairs of border gates as prescribed under Article 7, the owner or the carrier shall apply and make customs clearance for the goods in transit only at those pairs of border gates. No permit from the Ministry of Industry and Trade/ Ministry of Commerce is required.

ARTICLE 7

The transit of goods shall be made through the following pairs of international border gates and associated routes:

No.	Viet Nam's border gates	Viet Nam's associated routes	Cambodia's border gates	Cambodia's associated routes
1	Vinh Xuong-Thuong Phuoc (An Giang Provinces - Dong Thap Provinces)	Tien River (Cuu Long)	Kaam Samnor-Koh Roka (Kandal province -Prey Veng Provinces)	Mekong River
2	Moc Bai (Tay Ninh Provinces)	National road 22A	Bavet (Svay Rieng Provinces)	National Road 1
3	Xa Mat (Tay Ninh province)	National Road 22B	Trapeang Phlong (Kampongcham province)	National Road 72
4	Dinh Ba (Dong Thap province)	National Road 30	Bantey Chakrey (Pray Veng province)	Provincial Road 30
5	Le Thanh (Gia Lai province)	National Road 19	O Yadav (Ratanakiri province)	National Road 78

No.	Viet Nam's border gates	Viet Nam's associated routes	Cambodia's border gates	Cambodia's associated routes
6	Hoa Lu (Binh Phuoc province)	National Road 13	Trapeang Sre (Kratie province)	National Road 74
7	Tinh Bien (An Giang province)	National Road 91	Phnom Den (Takeo province)	National Road 2
8	Ha Tien (Kien Giang province)	National Road 90 and 63	Preak Chak (Kampot province)	National Road No.33A

In order to facilitate the transit of goods, if there is a need, other pairs of border gates would be opened for goods in transit with mutual consent of the Contracting Parties.

ARTICLE 8

1. It is prohibited to consume goods in transit under the lists of goods banned from business, goods banned from export, goods temporarily ceased from export, goods banned from import, goods temporarily ceased from import in the territory of the transit country.

2. For goods in transit which are not under the lists referred in paragraph 1 of this Article, their consumption in the territory of the transit country would only be permitted in case of force majeure and when it is so approved by the competent authorities of the transit country, and the goods shall be subject to duties and other charges and fees in accordance with the laws and regulations of the transit country.

ARTICLE 9

Payment of costs and expenses arising from activities related to goods in transit shall be made in the local currency of the transit country or in freely convertible currency in accordance with the laws and regulations on foreign exchange of each Contracting Party.

ARTICLE 10

1. In case of the goods in transit are transported by road, the owner or the carrier may use their own means of transportation, or hire means of transportation of the transit country.

2. In case of the goods in transit are transported by waterway, the owner or the carrier may use their own means of waterway transportation or hire means of waterway transportation of the transit country or a third country.

3. The transit of means of transportation and escorting people as well as the transshipment, or change of means of transportation shall be compliant with the international treaties to which the Contracting Parties are signatories. In case no relevant provisions are found in such international treaties, the above activities shall be made in compliance with the laws and regulations of the transit country.

ARTICLE 11

The Contracting Parties agreed to authorize the Ministry of Industry and Trade of the Socialist Republic of Viet Nam and the Ministry of Commerce of the Kingdom of Cambodia, subject to the specific conditions in each period, to negotiate and conclude arrangements on detailed documentary forms, including a set of transit documents, for the implementation of this Agreement.

ARTICLE 12

Any violation by the owner or the carrier to the laws and regulations of the transit country during the course of transit shall be sanctioned in accordance with the relevant laws and regulations of the transit country.

ARTICLE 13

Any dispute arising from the interpretation or implementation of this Agreement shall be amicably settled between the authorized representatives of the Contracting Parties through the diplomatic channels.

ARTICLE 14

A written request is required if either Contracting Party desires to make any amendment of or addition to this Agreement within the validity of this Agreement. Within three months from the date of receipt of such a request, the other Contracting Party shall formally respond in writing. The amendment of or additions to this Agreement made by the Contracting Parties shall form an integral part of this Agreement and shall have the same validity as this Agreement.

ARTICLE 15

This Agreement shall come into force after 60 days from the date of signing and be valid for two years. In case within 60 days prior to the expiry of this Agreement, none of the Contracting Parties give the other Contracting Party a written notice of its desire to terminate this Agreement through the diplomatic channel, the validity of this Agreement shall be automatically renewed for one more year. This form of validity renewal shall be similarly applied for the successive periods of one year.

In case a Contracting Party gives the other Contracting Party a written notice of its desire to terminate this Agreement through diplomatic channel, this Agreement shall be terminated after 60 days from the date of receipt of such a notice.

In case of termination of this Agreement, its provisions shall still be applied to other related arrangements which have been signed before the date of termination until full completion of these arrangements.

This Agreement supersedes the Agreement on the Transit of Goods between the Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Kingdom of Cambodia signed on 7th September, 2000.

Done in Hanoi on November 04th, 2008 in two originals in Vietnamese, Khmer, and English, all texts are equally authentic. In case of any divergence in interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR THE ROYAL GOVERNMENT OF CAMBODIA
H.E. Mr. PHAM GIA KHIEM	H.E. Mr. HOR NAMHONG

កិច្ចព្រមព្រៀង
ស្តីពីទំនិញឆ្លងកាត់
រវាង
រដ្ឋាភិបាល នៃសាធារណៈរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម
និង
រាជរដ្ឋាភិបាល នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា

រដ្ឋាភិបាល នៃសាធារណៈរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម និងរាជរដ្ឋាភិបាល នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា ហៅកាត់ថា "ភាគីចុះហត្ថលេខា" ។

ក្នុងគោលបំណងពង្រឹង និងពង្រីកបន្ថែមទៀត នូវទំនាក់ទំនងកិច្ចសហប្រតិបត្តិការសេដ្ឋកិច្ច និងពាណិជ្ជកម្ម សំដៅរួមចំណែកលើកស្ទួយអភិវឌ្ឍន៍សេដ្ឋកិច្ចរបស់ប្រទេសនីមួយៗ ផ្អែកលើគោលការណ៍ស្មើភាព និងមានផលប្រយោជន៍ទៅវិញទៅមក ។

បានព្រមព្រៀងគ្នាដូចខាងក្រោម :

មាត្រា ១

១-ភាគីចុះហត្ថលេខា ត្រូវអនុញ្ញាតឱ្យទំនិញនៃភាគីចុះហត្ថលេខាម្ខាងទៀត ធ្វើការឆ្លងកាត់តាមទឹកដីរបស់ខ្លួន ដើម្បីធ្វើការនាំចេញ ឬនាំចូលមកពីប្រទេសទី៣ ឬធ្វើការដឹកជញ្ជូនពីទឹកន្លែងមួយទៅទឹកន្លែងមួយទៀត នៃភាគីចុះហត្ថលេខា ដោយស្ថិតក្រោមការត្រួតពិនិត្យដោយសមត្ថកិច្ចគយ និងអាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចពាក់ព័ន្ធរបស់ភាគីចុះហត្ថលេខា បានឆ្លងកាត់តាមទឹកដីរបស់ភាគីចុះហត្ថលេខាម្ខាងទៀត។

២-ភាគីចុះហត្ថលេខា ត្រូវបង្កលក្ខណៈងាយស្រួលដល់ការដឹកជញ្ជូនទំនិញឆ្លងកាត់ តាមផ្លូវគោក ផ្លូវទឹក ឬ ផ្លូវដែក រវាងប្រទេសទាំងពីរ ដោយមិនបង្កឱ្យមានភាពរាំងស្ទះ ដែលបណ្តាលមកពីការពន្យាពេលវេលាឆ្លងកាត់ មិនបង្កើតនីតិវិធី ដែលធ្វើឱ្យរាំងស្ទះដល់ការឆ្លងកាត់ទំនិញ ឬ ការប្រមូលចំណាយមិនចាំបាច់ដល់ដំណើរការឆ្លងកាត់។

មាត្រា ២

កិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ត្រូវបានកំណត់ជានិយមន័យដូចខាងក្រោម :

១-ទំនិញឆ្លងកាត់ មានន័យថា ការដឹកជញ្ជូនទំនិញ ដែលជាកម្មសិទ្ធិរបស់អង្គភាព ឬ បុគ្គល នៃប្រទេសដែលសុំឆ្លងកាត់ តាមទឹកដីនៃប្រទេសឆ្លងកាត់ ក្នុងនោះមាន ការផ្ទេរកប៉ាល់ ការលើកទំនិញ ការស្តុកឃ្លាំង ដោយការដឹកជញ្ជូនដោយឡែកពីគ្នា ឬតាមការផ្ទៀងផ្ទាត់ប្តូរមធ្យោបាយដឹកជញ្ជូនណាមួយ ឬ វិធីផ្សេងទៀត ដែលធ្វើឡើងក្នុងអំឡុងពេលឆ្លងកាត់ ស្ថិតក្រោមការត្រួតពិនិត្យដោយសមត្ថកិច្ចគយ និង សមត្ថកិច្ចផ្សេងៗទៀត ។

២-ប្រទេសសុំឆ្លងកាត់ គឺជាប្រទេសដែលអង្គភាព ឬបុគ្គលជាម្ចាស់ទំនិញសុំឆ្លងកាត់ ដែលមាន ទីតាំងស្ថិតនៅក្នុងប្រទេសនោះ។

៣-ប្រទេសឆ្លងកាត់ គឺប្រទេសដែលអនុញ្ញាតឱ្យទំនិញឆ្លងកាត់ទឹកដីរបស់ខ្លួន។

៤-ម្ចាស់ទំនិញ គឺជាអង្គភាព ឬ បុគ្គល ដែលជាម្ចាស់កម្មសិទ្ធិទំនិញឆ្លងកាត់ ។

៥-អ្នកដឹកជញ្ជូន គឺជានីតិបុគ្គល ឬរូបវន្តបុគ្គល ដែលបានទទួលសិទ្ធិស្របច្បាប់ពីម្ចាស់ទំនិញ ដើម្បី ធ្វើការដឹកជញ្ជូនទំនិញឆ្លងកាត់ ។

មាត្រា ៣

ការដឹកជញ្ជូនទំនិញឆ្លងកាត់ ត្រូវបានធ្វើឡើង ដោយអនុលោមតាមបទបញ្ញត្តិ ដូចខាងក្រោម :

១-ការដឹកជញ្ជូនទំនិញឆ្លងកាត់ ក្នុងអំឡុងពេលដឹកជញ្ជូន ត្រូវអនុលោមតាមច្បាប់-បទបញ្ញត្តិគយ ច្បាប់ និងបទបញ្ញត្តិផ្សេងៗទៀត នៃប្រទេសឆ្លងកាត់ និងសន្ធិសញ្ញាអន្តរជាតិ ដែលភាគីចុះហត្ថលេខា ជាភាគីហត្ថលេខី។

២-បរិមាណ និង ឃថាប្រភេទទំនិញ ដែលដឹកជញ្ជូនឆ្លងកាត់ច្រកព្រំដែនចេញចុងក្រោយ ត្រូវតែត្រឹមត្រូវដូចគ្នា នឹងការដឹកជញ្ជូនឆ្លងកាត់ច្រកព្រំដែនចូលដំបូង នៃប្រទេសឆ្លងកាត់ ហើយទំនិញត្រូវតែរក្សាលក្ខណៈដើម ទាំងសំបកវេចខ្ចប់ និងឃ្លុំបេតយ។ ក្នុងករណីដែលទំនិញ មានការបាត់បង់ ខូចខាត ឬបែកបាក់ ក្នុងអំឡុងពេលដឹកជញ្ជូនឆ្លងកាត់ ម្ចាស់ទំនិញ ឬអ្នកដឹកជញ្ជូន ត្រូវរាយការណ៍ជាលាយលក្ខអក្សរទៅអាជ្ញាធរគយ និង/ឬ អាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចក្នុងស្រុកផ្សេងទៀត ពីសភាពទំនិញ។ ក្នុងករណីគ្មានអាជ្ញាធរគយ នៅនឹងកន្លែងកើតហេតុ ម្ចាស់ទំនិញ ឬអ្នកដឹកជញ្ជូន ត្រូវរាយការណ៍ពីស្ថានភាពទៅអាជ្ញាធរមូលដ្ឋាន នៅជិតបំផុត ដើម្បីស្នើសុំសេចក្តីបញ្ជាក់ ។

៣-ទំនិញឆ្លងកាត់ មិនត្រូវមានការត្រួតពិនិត្យជាក់ស្តែង ការអមដំណើរដោយអាជ្ញាធរគយ នៅតាមព្រំដែន នៅក្នុងទឹកដីប្រទេសឆ្លងកាត់ ដោយអនុលោមតាមច្បាប់ និងបទបញ្ជត្តិគយ នៃប្រទេសឆ្លងកាត់។ ការត្រួតពិនិត្យជាក់ស្តែងនៃទំនិញឆ្លងកាត់ ត្រូវបានធ្វើតែក្នុងករណីមាន សញ្ញាបទល្មើសណាមួយដែលអាចបង្កឡើង។

៤-ប្រសិនបើ ទំនិញឆ្លងកាត់ត្រូវបានរក្សាទុកក្នុងឃ្លាំង ឬដេប៉ូ នៅក្នុងប្រទេសឆ្លងកាត់ ត្រូវមានលិខិតអនុញ្ញាត ដែលកំណត់អំពីពេលវេលា និងទីកន្លែង ពីអាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ច នៃប្រទេសឆ្លងកាត់ ហើយទំនិញទាំងនោះ គឺស្ថិតក្រោមការត្រួតពិនិត្យពីអាជ្ញាធរគយ នៃប្រទេសឆ្លងកាត់ ។

<u>មាត្រា ៤</u>

ចំពោះទំនិញដែលស្ថិតក្នុងបញ្ជីហាមឃាត់ធ្វើអាជីវកម្ម ទំនិញហាមនាំចេញ ទំនិញបញ្ឈប់ការនាំចេញបណ្តោះអាសន្ន ទំនិញហាមនាំចូល ឬ ទំនិញបញ្ឈប់ការនាំចូលបណ្តោះអាសន្ន នៃភាគីចុះហត្ថលេខាការឆ្លងកាត់ទំនិញរបស់ប្រទេសទាំងនោះ ត្រូវធ្វើឡើងដោយអនុលោមតាមបទបញ្ជត្តិ ដូចខាងក្រោម :

១-ទំនិញដែលបានហាមនាំចេញ-នាំចូល ឬការដឹកជញ្ជូន ដោយសន្ធិសញ្ញាអន្តរជាតិ ដែលភាគីចុះហត្ថលេខា ជាភាគីហត្ថលេខី ឬទំនិញ ដែលស្ថិតក្នុងបញ្ជីហាមឃាត់ធ្វើអាជីវកម្ម ទំនិញហាមនាំចេញ ទំនិញបញ្ឈប់ការនាំចេញបណ្តោះអាសន្ន ទំនិញហាមនាំចូល ឬ ទំនិញបញ្ឈប់ការនាំចូលបណ្តោះអាសន្ន នៃភាគីចុះហត្ថលេខា មិនត្រូវអនុញ្ញាតឱ្យឆ្លងកាត់ឡើយ លុះត្រាតែមានការអនុញ្ញាតដោយកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ។

២-ការដឹកជញ្ជូនឆ្លងកាត់ អាវុធយុទ្ធភ័ណ្ឌ គ្រឿងផ្ទុះ ឬបរិក្ខាបច្ចេកទេសយោធា សំរាប់ការពារសន្តិសុខ និងសុវត្ថិភាពជាតិ ត្រូវមានការអនុញ្ញាតពីនាយករដ្ឋមន្ត្រី នៃប្រទេសឆ្លងកាត់ ដោយអនុលោមតាមច្បាប់ និងបញ្ញត្តិពាក់ព័ន្ធ របស់ប្រទេសឆ្លងកាត់។

៣-ការឆ្លងកាត់ទំនិញ ដែលមាននៅក្នុងបញ្ជីទំនិញហាមឃាត់ធ្វើអាជីវកម្ម ទំនិញហាមនាំចេញ ទំនិញបញ្ឈប់ការនាំចេញបណ្តោះអាសន្ន ទំនិញហាមនាំចូល ឬ ទំនិញបញ្ឈប់ការនាំចូលបណ្តោះអាសន្ន របស់ប្រទេសឆ្លងកាត់ ប៉ុន្តែមិនស្ថិតក្នុងបញ្ជីហាមឃាត់ នៃប្រទេសស្នើសុំឆ្លងកាត់ ត្រូវមានលិខិតអនុញ្ញាតពីរដ្ឋមន្ត្រីក្រសួងពាណិជ្ជកម្ម/រដ្ឋមន្ត្រីក្រសួងឧស្សាហកម្ម និងពាណិជ្ជកម្ម នៃប្រទេសឆ្លងកាត់ តាមសំណើជាលាយលក្ខអក្សរ ពីរដ្ឋមន្ត្រីក្រសួងឧស្សាហកម្ម និងពាណិជ្ជកម្ម/រដ្ឋមន្ត្រីក្រសួងពាណិជ្ជកម្ម ។

៤-ទំនិញដែលស្ថិតក្នុងបញ្ជីហាមធ្វើអាជីវកម្ម ទំនិញហាមនាំចេញ ទំនិញបញ្ឈប់ការនាំចេញបណ្តោះអាសន្ន ទំនិញហាមនាំចូល ឬ ទំនិញបញ្ឈប់ការនាំចូលបណ្តោះអាសន្ន ត្រូវបានអនុញ្ញាតឱ្យឆ្លងកាត់ដោយត្រូវដឹកជញ្ជូន តាមផ្លូវគោក ផ្លូវទឹក ឬ ផ្លូវដែក តាមច្រកព្រំដែន ដូចបានកំណត់តាម មធ្យោបាយ និងសមត្ថភាពសមស្រប និងតាមរយៈពេលកំណត់មួយ ដូចមានចែងនៅក្នុងអាជ្ញាប័ណ្ណឆ្លងកាត់ ហើយត្រូវបានត្រួតពិនិត្យដោយសមត្ថកិច្ចគយ និងអាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចពាក់ព័ន្ធ របស់ប្រទេសឆ្លងកាត់ ។

៥-បញ្ជីទំនិញហាមធ្វើអាជីវកម្ម ទំនិញហាមនាំចេញ ទំនិញបញ្ឈប់ការនាំចេញបណ្តោះអាសន្ន ទំនិញហាមនាំចូល ឬ ទំនិញបញ្ឈប់ការនាំចូលបណ្តោះអាសន្ន របស់ភាគីចុះហត្ថលេខានីមួយៗ ត្រូវផ្តល់ជូនទៅវិញទៅមក ដោយអនុលោមតាមច្បាប់ និងបទបញ្ញត្តិ នៃភាគីចុះហត្ថលេខា ។ បញ្ជីទំនិញទាំងនោះរួមមាន បញ្ជីទំនិញរបស់កម្ពុជា និងបញ្ជីទំនិញរបស់វៀតណាម ត្រូវបញ្ជូនឱ្យគ្នាទៅវិញទៅមកក្នុងរយៈពេល ៦០ថ្ងៃ គិតចាប់ពីថ្ងៃចុះហត្ថលេខាលើកិច្ចព្រមព្រៀង ជាភាសាអង់គ្លេស ដោយក្រសួងពាណិជ្ជកម្ម នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា/ក្រសួងឧស្សាហកម្ម និងពាណិជ្ជកម្ម នៃសាធារណៈរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម ទៅក្រសួងឧស្សាហកម្ម និងពាណិជ្ជកម្ម នៃសាធារណៈរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម/ក្រសួងពាណិជ្ជកម្ម នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា។ បញ្ជីទំនិញទាំងនោះ អាចកែសម្រួលបាន ក្នុងករណីក្រសួងពាណិជ្ជកម្ម/ក្រសួងឧស្សាហកម្ម និងពាណិជ្ជកម្ម ត្រូវជូនដំណឹងពីការកែសម្រួល ទៅក្រសួងឧស្សាហកម្ម និងពាណិជ្ជកម្ម/ក្រសួងពាណិជ្ជកម្ម ហើយបញ្ជីកែសម្រួលនេះ នឹងត្រូវជំនួសជាស្វ័យប្រវត្តិ នូវបញ្ជីទំនិញចាស់ពីមុន ។

មាត្រា ៥

ការឆ្លងកាត់ឈើ និងផលិតផលឈើ ឆ្លងកាត់តាមទឹកដីនៃភាគីចុះហត្ថលេខានីមួយៗ ត្រូវអនុវត្ត ដូចខាងក្រោម:

១- ឈើមូល (ឈើមូលមានន័យថា ជាឈើមូលទាំងដើម បកសំបក ឬមិនទាន់បកសំបក សាច់ឈើស្រាយពីក្រៅខាងក្នុងខ្លឹម ឬមានរាងជ្រុង) មិនត្រូវបានអនុញ្ញាតឆ្លងកាត់ទឹកដី នៃប្រទេសភាគី ចុះហត្ថលេខាណាមួយឡើយ ។

២- ការឆ្លងកាត់ឈើអារ ត្រូវមានលិខិតអនុញ្ញាតពីរដ្ឋមន្ត្រីក្រសួងពាណិជ្ជកម្ម/ រដ្ឋមន្ត្រីក្រសួងឧស្សាហកម្ម និងពាណិជ្ជកម្ម នៃប្រទេសឱ្យឆ្លងកាត់ ក្រោយពេលមានលិខិតស្នើសុំឆ្លងកាត់របស់រដ្ឋមន្ត្រីក្រសួងឧស្សាហកម្ម និងពាណិជ្ជកម្ម / រដ្ឋមន្ត្រីក្រសួងពាណិជ្ជកម្ម នៃប្រទេសសុំឆ្លងកាត់ ។ រាល់លិខិតស្នើសុំត្រូវផ្គែកតាមឯកសារពាក់ព័ន្ធ បើសិនមានតំរូវការចាំបាច់ ដោយអនុលោមតាមច្បាប់ និងបទបញ្ជាតិ នៃប្រទេសសុំឆ្លងកាត់ ។

៣- សំរាប់ការឆ្លងកាត់ផលិតផលឈើផ្សេងទៀត ដែលមិនមានចែងក្នុងវាក្យខ័ណ្ឌ ១ និង ២ ក្នុងមាត្រានេះ នៅពេលឆ្លងកាត់តាម ផ្លូវគោក ផ្លូវទឹក ឬ ផ្លូវដែក តាមច្រកទ្វារ ដែលបានកំណត់ក្នុងមាត្រា ៧ ម្ចាស់ទំនិញ ឬ អ្នកដឹកជញ្ជូន ត្រូវស្នើសុំនិងបំពេញប្រតិវេទន៍តយ នៅមាត់ច្រកទ្វារព្រំដែនទាំងសងខាងតែប៉ុណ្ណោះ។ ពុំចាំបាច់សុំលិខិតអនុញ្ញាតឆ្លងកាត់នៅក្រសួងពាណិជ្ជកម្ម/ក្រសួងឧស្សាហកម្ម និងពាណិជ្ជកម្ម នៃប្រទេសឆ្លងកាត់ឡើយ ។

៤- ប្រទេសសុំឆ្លងកាត់ ត្រូវគោរពរាល់បទបញ្ជត្តិជាចាំបាច់ ដើម្បីធានាថា ទំនិញដែលមានចែងក្នុងវាក្យខ័ណ្ឌទី៣ ខាងលើ គឺជាទំនិញដែលបានអនុញ្ញាតនាំចេញស្របច្បាប់ ពីប្រទេសសុំឆ្លងកាត់។

មាត្រា ៦

ចំពោះទំនិញផ្សេងទៀត ដែលមិនមានចែងក្នុងមាត្រា ៤ និងមាត្រា ៥ ពេលធ្វើការឆ្លងកាត់តាមផ្លូវគោក ផ្លូវទឹក ឬផ្លូវដែក តាមច្រកព្រំដែន ដែលបានកំណត់ក្នុងមាត្រាទី ៧ ម្ចាស់ទំនិញ ឬ អ្នកដឹកជញ្ជូនត្រូវដាក់ពាក្យស្នើសុំ និងបំពេញប្រតិវេទន៍គយ នៅច្រកទ្វារព្រំដែនទាំងសងខាងតែប៉ុណ្ណោះ។ ពុំចាំបាច់សុំការអនុញ្ញាតពីក្រសួងពាណិជ្ជកម្ម/ក្រសួងឧស្សាហកម្ម និងពាណិជ្ជកម្ម នៃប្រទេសឆ្លងកាត់ឡើយ។

មាត្រា ៧

ទំនិញឆ្លងកាត់ ត្រូវអនុញ្ញាតឱ្យធ្វើការឆ្លងកាត់ តាមបណ្តាច្រកទ្វារព្រំដែនអន្តរជាតិ ដូចខាងក្រោម:

ល.រ	ច្រកទ្វារវៀតណាម	ផ្លូវ	ច្រកទ្វារកម្ពុជា	ផ្លូវ
១	វិញ សៀង-ផ្សៀង ភ្សើក (ខេត្តអានយ៉ាង-ខេត្តដុងថាប់)	ទន្លេ សុងទ្បែន-តីវឡុង	ភ្នមសំណ - កោះរកា (ខេត្តកណ្តាល-ខេត្តព្រៃវែង)	ទន្លេមេគង្គ
២	ម៉ុក បាយ (ខេត្តតៃនិញ)	ផ្លូវជាតិ លេខ ២២អា	បាវិត (ខេត្តស្វាយរៀង)	ផ្លូវជាតិ លេខ ១
៣	សាមាត (ខេត្ត តៃនិញ)	ផ្លូវជាតិ លេខ ២២បេ	ត្រពាំងផ្លុង (ខេត្តកំពង់ចាម)	ផ្លូវជាតិ លេខ ៧២
៤	ឱញ្ញបា (ខេត្ត ដុងថាប់)	ផ្លូវជាតិលេខ ៣០	បន្ទាយចក្រី (ខេត្តព្រៃវែង)	ផ្លូវជាតិ លេខ ៣០

៥	ឡេ ថាញ់ (ខេត្តយ៉ាឡៃ)	ផ្លូវជាតិ លេខ ១៩	អូរយ៉ាដាវ (ខេត្តរតនៈគីរី)	ផ្លូវជាតិ លេខ ៧៨
៦	ហ័រ លី (ខេត្តបិញ្ញាភឿក)	ផ្លូវជាតិ លេខ ១៣	ត្រពាំងស្រែ (ខេត្តក្រចេះ)	ផ្លូវជាតិ លេខ ៧៤
៧	ទិញ ប្បៀន (ខេត្ត អានយ៉ាង)	ផ្លូវជាតិ លេខ ៥១	ភ្នំដិន (ខេត្តតាកែវ)	ផ្លូវជាតិ លេខ ២
៨	ហា ឡៀន (ខេត្តគៀនយ៉ាង)	ផ្លូវជាតិលេខ ៥០ និង ៦៣	ព្រៃកចាក (ខេត្តកំពត)	ផ្លូវជាតិ លេខ ៣៣ អា

ប្រសិនបើមានតំរូវការចាំបាច់ ដើម្បីសំរួលដល់ការឆ្លងកាត់ទំនិញ ច្រកព្រំដែនផ្សេងទៀត នឹងត្រូវបើកសំរាប់ទំនិញឆ្លងកាត់ ដោយមានការព្រមព្រៀងទៅវិញទៅមក រវាងភាគីចុះហត្ថលេខា ។

មាត្រា ៨

១-ទំនិញឆ្លងកាត់ ដែលមានក្នុងបញ្ជីទំនិញហាមឃាត់ធ្វើអាជីវកម្ម ទំនិញហាមនាំចេញ ទំនិញបញ្ឈប់នាំចេញបណ្តោះអាសន្ន ទំនិញហាមនាំចូល ឬទំនិញបញ្ឈប់នាំចូលបណ្តោះអាសន្ន ត្រូវហាមឃាត់យកមកប្រើប្រាស់នៅក្នុងប្រទេសឆ្លងកាត់ ។

២-ចំពោះទំនិញឆ្លងកាត់ផ្សេងទៀត ដែលមិនស្ថិតនៅក្នុងវាក្យខ័ណ្ឌទី១ នៃមាត្រានេះ ការយកទំនិញទាំងនោះ មកប្រើប្រាស់ក្នុងទឹកដីប្រទេសឆ្លងកាត់ ត្រូវបានអនុញ្ញាត តែក្នុងករណីប្រធានសក្តិ និងទទួលបានការយល់ព្រម ពីអាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ច នៃប្រទេសឆ្លងកាត់ ហើយទំនិញទាំងនោះត្រូវបង់ពន្ធ និងអាករ និងកំរៃផ្សេងៗ ដោយអនុលោមតាមច្បាប់ និងបទបញ្ញត្តិ របស់ប្រទេសឆ្លងកាត់ ។

មាត្រា ៩

ការទូទាត់សោហ៊ុយ និងការចំណាយ ដែលកើតមានឡើងពីបណ្តាសកម្មភាព ដែលទាក់ទងទៅនឹងទំនិញឆ្លងកាត់ ត្រូវធ្វើឡើងជារូបិយវត្ថុ ក្នុងស្រុករបស់ប្រទេសឆ្លងកាត់ ឬរូបិយប័ណ្ណប្តូរផ្ទេរបានដោយសេរី ដោយអនុលោមតាមច្បាប់ និងបទបញ្ជាត្តិ ស្តីពីការប្តូរប្រាក់ នៃភាគីចុះហត្ថលេខានីមួយៗ ។

មាត្រា ១០

១-ក្នុងករណី ទំនិញត្រូវបានដឹកជញ្ជូនឆ្លងកាត់តាមផ្លូវគោក ម្ចាស់ទំនិញ ឬ អ្នកដឹកជញ្ជូន អាចប្រើប្រាស់មធ្យោបាយដឹកជញ្ជូនផ្ទាល់ខ្លួន ឬ ជួលមធ្យោបាយដឹកជញ្ជូន របស់ប្រទេសឆ្លងកាត់ ។

២-ក្នុងករណីទំនិញ ត្រូវបានដឹកជញ្ជូនឆ្លងកាត់ តាមផ្លូវទឹក ម្ចាស់ទំនិញ ឬ អ្នកដឹកជញ្ជូន អាចប្រើប្រាស់មធ្យោបាយដឹកជញ្ជូនផ្ទាល់ខ្លួន ឬ ជួលមធ្យោបាយដឹកជញ្ជូន របស់ប្រទេសឆ្លងកាត់ ឬប្រទេសទី៣ ។

៣-ការឆ្លងកាត់ នៃមធ្យោបាយដឹកជញ្ជូន និងអ្នកអមដំណើរ ដូចជាការផ្ទេរ ឬ ផ្លាស់ប្តូរមធ្យោបាយដឹកជញ្ជូន ត្រូវអនុលោមតាមសន្ធិសញ្ញាអន្តរជាតិ ដែលភាគីចុះហត្ថលេខា ជាភាគីហត្ថលេខី ។ ក្នុងករណី ពុំមានប្រការពាក់ព័ន្ធចែងក្នុងសន្ធិសញ្ញានេះ សកម្មភាពខាងលើ ត្រូវធ្វើឡើងដោយអនុលោមតាមច្បាប់ និងបទបញ្ជាត្តិ របស់ប្រទេសឆ្លងកាត់ ។

មាត្រា ១១

ភាគីចុះហត្ថលេខា ព្រមព្រៀងប្រគល់សិទ្ធិស្របច្បាប់ ឱ្យក្រសួងពាណិជ្ជកម្ម នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា និងក្រសួងឧស្សាហកម្ម និងពាណិជ្ជកម្ម នៃសាធារណៈរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម ដើម្បីចរចារ និងសំរបសំរួល ស្តីពីទម្រង់ឯកសារដឹកជញ្ជូនឆ្លងកាត់លំអិត សំរាប់អនុវត្តកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ដោយយោងតាមលក្ខខ័ណ្ឌពិសេស នៅក្នុងរយៈពេលនីមួយៗ ។

មាត្រា ១២

ការប្រព្រឹត្តបទល្មើសដោយម្ចាស់ទំនិញ ឬ អ្នកដឹកជញ្ជូន ចំពោះច្បាប់ និងបទបញ្ញត្តិ នៃប្រទេសឆ្លងកាត់ ក្នុងពេលដឹកជញ្ជូនឆ្លងកាត់ ត្រូវផ្តន្ទាទោស ដោយអនុលោមតាមច្បាប់ និងបទបញ្ញត្តិពាក់ព័ន្ធរបស់ប្រទេសឆ្លងកាត់ ។

មាត្រា ១៣

រាល់ជំលោះ ដែលកើតឡើងពីការបកប្រែ ឬ ការអនុវត្តន៍ លើកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ត្រូវដោះស្រាយដោយមិត្តភាព រវាងតំណាងមានសមត្ថកិច្ច នៃភាគីចុះហត្ថលេខា តាមរយៈការទូត ។

មាត្រា ១៤

ភាគីចុះហត្ថលេខា ត្រូវធ្វើសំណើជាលាយលក្ខអក្សរ ទៅភាគីចុះហត្ថលេខាម្ខាងទៀត ប្រសិនបើមានបំណងធ្វើការកែប្រែ ឬ បំពេញបន្ថែម លើកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ក្នុងរយៈពេលសុពលភាពនៃកិច្ចព្រមព្រៀង ភាគីចុះហត្ថលេខាម្ខាងទៀត ត្រូវឆ្លើយតបជាលាយលក្ខអក្សរ ក្នុងរយៈពេល ០៣ (បី) ខែ ចាប់ពីថ្ងៃទទួលសំណើនេះ។ ការកែតំរូវ ឬបំពេញបន្ថែមកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ដែលធ្វើឡើងដោយភាគីចុះហត្ថលេខា ត្រូវរៀបចំឡើងជាឯកសារភ្ជាប់ទៅនឹងកិច្ចព្រមព្រៀង ហើយមានសុពលភាពដូចកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ។

មាត្រា ១៥

កិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ចូលជាធរមានក្នុងអំឡុងពេល ៦០ថ្ងៃ ចាប់ពីថ្ងៃចុះហត្ថលេខា និងមានសុពលភាពរយៈពេល០២ ឆ្នាំ ។ ក្នុងអំឡុងពេល ៦០ ថ្ងៃ មុនពេលកិច្ចព្រមព្រៀងអស់សុពលភាព បើពុំមានភាគីចុះហត្ថលេខាណាមួយ ជូនពត៌មានជាលាយលក្ខអក្សរទៅភាគីម្ខាងទៀត ពីគោលបំណងចង់បញ្ចប់

កិច្ចព្រមព្រៀងនេះ តាមរយៈការទូត សុពលភាពនៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ត្រូវបន្តដោយស្វ័យប្រវត្តិរយៈពេល ០១ ឆ្នាំ ទៀត។ ទម្រង់បន្តសុពលភាពនេះ នឹងត្រូវប្រើប្រាស់ដូចគ្នា សំរាប់ឆ្នាំបន្តទៀត ។

ក្នុងករណី ភាគីចុះហត្ថលេខាណាមួយ ជូនពត៌មានជាលាយលក្ខអក្សរទៅភាគីម្ខាងទៀត ពីគោលបំណងចង់បញ្ចប់កិច្ចព្រមព្រៀងនេះ តាមរយៈការទូត កិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ត្រូវបញ្ចប់រយៈពេល ៦០ថ្ងៃ បន្ទាប់ពីទទួលបានពត៌មាន ជាលាយលក្ខអក្សរ។

ក្នុងករណី បញ្ចប់កិច្ចព្រមព្រៀងនេះ មាត្រាទាំងអស់ នៅតែត្រូវអនុវត្តចំពោះកិច្ចសំរបសំរួលពាក់ព័ន្ធទាំងឡាយ ដែលបានចុះហត្ថលេខានៅមុនពេលបញ្ចប់សុពលភាព នៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ រហូតដល់កិច្ចសំរបសំរួលទាំងនេះ បានអនុវត្តចប់សព្វគ្រប់ ។

កិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ជំនួសឱ្យកិច្ចព្រមព្រៀង ស្តីពីទំនិញឆ្លងកាត់ រវាងរដ្ឋាភិបាល នៃសាធារណៈរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម និង រដ្ឋាភិបាល នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា ដែលបានចុះហត្ថលេខា នៅថ្ងៃទី ០៧ ខែ កញ្ញា ឆ្នាំ ២០០០។

ធ្វើនៅរដ្ឋធានី ហាណូយ ថ្ងៃទី ០៤ ខែ វិច្ឆិកា ឆ្នាំ ២០០៨ ជាពីរច្បាប់ដើម ជាភាសាវៀតណាម ភាសាខ្មែរ និងភាសាអង់គ្លេស អត្ថបទទាំងអស់ មានតំលៃផ្លូវច្បាប់ដូចគ្នា។ ករណី មានការបកស្រាយខុសអត្ថបទភាសា អង់គ្លេស ត្រូវយកមកប្រើប្រាស់ ជាច្បាប់គោល ។

តំណាងរដ្ឋាភិបាល	**តំណាងរាជរដ្ឋាភិបាល**
នៃសាធារណៈរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម	**នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា**
ឯកឧត្តម PHAM GIA KHIEM	**ឯកឧត្តម ហោ ណាំហុង**